

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Trương Hiễn

Ông Ngô Quang Bình

Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Quang Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 205/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Như Ý (tên gọi khác: Không) sinh năm: 01/01/1983, tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Đ, chồng Nguyễn Văn H (đã ly hôn); Con: 02 người, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh A (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư **Đường Minh Q** – Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt)

- Những người bị hại:

1. Bà **Quách Thị G**, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang..

2. Ông **Phan Văn T1**, sinh năm: 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

3. Bà **Diệp Thị S**, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

4. Ông **Bùi Thanh T2**, sinh năm: 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

5. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

6. Bà **Lê Thị T3**, sinh năm: 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

7. Bà **Lê Thị M**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, tỉnh An Giang.

8. Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm: 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

9. Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm: 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

10. Bà **Nguyễn Hồng C**, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

11. Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

12. Bà **Trần Thị H2**, sinh năm: 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau.

13. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, tỉnh An Giang.

14. Bà **Trần Thị H3**, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, tỉnh An Giang.

15. Bà **Phạm Thị T4**, sinh năm: 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

16. Ông **Lê Thành T5**, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

17. Bà **Nguyễn Thị Kiều X**, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

18. Bà **Võ Tú N1**, sinh năm: 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

19. Bà **Võ Thị Bé T6**, sinh năm: 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

20. Bà **Lê Thị X1**, sinh năm: 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

21. Bà **Trần Hồng T7**, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, xã V, tỉnh An Giang.

22. Ông **Bùi Văn Vũ Y**, sinh năm: 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Nguyễn Thị Như Ý tổ chức chơi hội, làm chủ hội và được nhiều người dân trên địa bàn huyện V, tỉnh Kiên Giang tin tưởng, tham gia chơi hội. Từ ngày 11/05/2020 đến ngày 16/10/2022, Ý làm chủ hội và mở tổng cộng 05 dây hội tháng và 01 dây hội ngày. Trong các dây hội tháng, Ý đã nhiều lần đưa tên hội viên không có thật (tên không) vào các dây hội để Ý hốt hội chiếm đoạt số tiền của những hội viên. Cụ thể các dây hội Nguyễn Thị Như Ý đã chiếm đoạt tiền của các hội viên, như sau:

1. *Dây hội thứ nhất*: Hội tháng, có 22 người tham gia, chia làm 29 phần. Trong dây hội này, Ý tham gia 03 phần hội ghi tên Như Ý và Ý ghi tên không 02 hội viên tham gia trong dây hội, có tên là Em L và Ché T8. Mỗi hội viên đóng 3.000.000 đồng/01 phần hội. Dây hội này bắt đầu chơi từ ngày 11/05/2020 (nhằm ngày 19/04/2020 âm lịch), thời gian 01 tháng khai hội 01 lần, địa điểm xổ hội là tại nhà của Ý và Ý đã dùng hai tên không Em L và Ché T8 để hốt hội, cụ thể như sau:

Vào lần xổ hội thứ 03, ngày 08/8/2020, Ý lấy tên hội viên không Em L tự bỏ hội với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được: Tổng cộng 29 phần – 5 phần của Ý tham gia trong dây hội = 24 phần, trong đó:

+ Hội chết 02 phần x 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng;

+ Hội sống 22 phần x 2.000.000 đồng/01 phần phải đóng = 44.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 50.000.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Như vậy, số tiền Ý nhận được là 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vào lần xổ hội thứ 19, ngày 21/01/2022 (nhằm ngày 19/12/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không Chị T8 bỏ hội với số tiền là 1.350.000 đồng để hốt hội. Số tiền mà Ý đã chiếm đoạt được tính như sau:

Tổng số 29 phần – 5 phần của Ý tham gia trong dây hội = 24 phần;

+ Hội chết 17 phần (đã trừ phần hội không Em L đã hốt lần xổ hội thứ 3) x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng;

+ Hội sống 07 phần x 1.650.000 đồng/01 phần phải đóng = 11.550.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 62.550.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Như vậy, số tiền Ý nhận được là 61.050.000 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Thị Như Ý đã chiếm đoạt khi dùng 02 tên hội viên không là Em L và Chị T8 của dây hội trên để hốt hội là **109.550.000 đồng** (Một trăm lẻ chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong dây hội này, còn có 03 hội viên chưa hốt hội, Ý có trách nhiệm dân sự phải trả cho các hội viên Võ Tú N1 48.380.000 đồng; Lê Thị T3 50.100.000 và Bùi Thanh T2 (xui T2) 47.970.000 đồng. Tổng số tiền là 146.450.000 đồng.

2. *Dây hội thứ hai*: dây hội tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mở hội ngày 02/01/2021 (nhằm ngày 20/11/2020 âm lịch), thời gian 01 tháng xổ 01 lần tại nhà của Ý. Dây hội có 24 phần, gồm 20 người tham gia. Trong đó, Ý ghi tên không 03 hội viên tham gia trong dây hội, có tên là “Chị H4”; “Chị D” và “Chị T8” tương ứng với mỗi tên tham gia 01 phần hội và Ý có tự tham gia 02 phần hội ghi tên “Như Ý” và Ý đã dùng 03 tên không này để hốt hội như sau (*Bút lục số 49*):

Vào lần xổ hội thứ 02, ngày 01/02/2021 (nhằm ngày 20/12/2020 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Chị T8”, tự bỏ hội với số tiền là 1.520.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) để hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 24 phần – 5 phần của Ý tham gia = 19 phần;

+ Hội chết 01 phần x 5.000.000 đồng = 5.000.000 đồng;

+ Hội sống 18 phần x 3.480.000 đồng/1 phần phải đóng = 62.640.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 67.640.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 2.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 65.140.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Vào lần xổ hội thứ 04, ngày 01/03/2021 (nhằm ngày 20/02/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Chị D” tự bỏ hội với số tiền là 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 24 phần – 5 phần của Ý tham gia = 19 phần;

+ Hội chết 02 phần (trừ phần hội “Chị T8”) x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng;

+ Hội sống 17 phần x 3.550.000 đồng/phần phải đóng = 60.350.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 70.3500.000 đồng, trừ tiền thảo được nhận là 2.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 67.850.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Vào lần xổ hội thứ 08 ngày 26/09/2021 (nhằm ngày 20/08/2021), Ý lấy tên hội viên không tên “Chị H4” tự bỏ hội với số tiền là 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 24 phần – 5 phần của Ý tham gia = 19 phần;

+ Hội chết 05 phần (đã trừ 02 phần không mà Ý đã hốt trước đó) x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng;

+ Hội sống 14 phần x 3.050.000 đồng/1 phần phải đóng = 42.700.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 67.700.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 2.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 65.200.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền Ý đã nhận khi dùng 03 tên hội viên không để hốt trong dây hội trên, chiếm đoạt được số tiền là **198.190.000 đồng** (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong dây hội này, còn 05 hội viên chưa hốt hội, Ý có trách nhiệm dân sự phải trả cho các hội viên Nguyễn Thị Thu H1 (em H1) 113.360.000 đồng; Lê Thị M (chị M) 56.980.000 đồng; Phan Văn T1 (anh 2 T9) 55.780.000 đồng; Lê Thành T5 (chị T10) 56.980.000 đồng; Trần Thị H2 (cháu H2) 33.000.000 đồng. Tổng số tiền là 316.100.000 đồng.

3. *Dây hội thứ ba*: dây hội tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), mở hội ngày 21/03/2021 (nhằm ngày 09/02/2021 âm lịch), thời gian 01 tháng xổ hội 01 lần tại nhà của Ý. Dây hội có 25 phần, gồm 23 người tham gia. Trong đó, bị can Ý ghi tên không 03 hội viên tham gia trong dây hội có tên là “Cháu L1”, “Chị N2” và “Chị Tám D1” tương ứng với mỗi tên là 01 phần hội (Bút lục số 42, 54). Ý đã tự tham gia 02 phần hội ghi tên “Như Ý” và Ý đã dùng 03 tên không này để hốt hội, cụ thể như sau:

Vào lần xổ hội thứ 01 ngày 21/03/2021 (nhằm ngày 09/02/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Cháu L1” tự bỏ hội với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 25 phần – 05 phần của Ý tham gia = 20 phần;

+ Hội chết 0 phần x 3.000.000đ = 0 đồng;

+ Hội sống 20 phần x 2.000.000 đồng /phần phải đóng = 40.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 40.000.000 đồng, trừ tiền thảo được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý đã chiếm đoạt được là 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vào lần xổ hội thứ 03 ngày 20/05/2021 (nhằm ngày 09/04/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Chị N2” tự bỏ hội với số tiền là 1.160.000 đồng để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 25 phần – 5 phần của Ý tham gia = 20 phần;
+ Hụi chết 01 phần (đã trừ 01 phần hụi không) x 3.000.000 đồng = 3.000.000 đồng;

+ Hụi sống 19 phần x 1.840.000 đồng/phần phải đóng = 34.960.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 37.960.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 36.460.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vào lần xổ hụi thứ 04 ngày 18/06/2021 (nhằm ngày 09/05/2021 âm lịch), Ý lấy tên hụi viên không là “Chị Tám D1” tự bỏ hụi với số tiền là 1.200.000 đồng để được hốt hụi. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 25 phần – 5 phần của Ý tham gia = 20 phần;

+ Hụi chết 01 phần (trừ 03 phần hụi không Ý đã hốt) x 3.000.000 đồng = 3.000.000 đồng;

+ Hụi sống 19 phần x 1.800.000 đồng /phần phải đóng = 34.200.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 37.200.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị Như Ý đã chiếm đoạt được khi dùng 03 tên hụi viên không để hốt hụi trong dây hụi trên là **110.660.000 đồng** (Một trăm mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong dây hụi này, có 06 hụi viên chưa hốt hụi và Ý có trách nhiệm dân sự trả cho Lê Thị M 63.300.000 đồng; Quách Thị G (chị N3) 31.650.000 đồng; Nguyễn Hồng C (chế Cẩm) 31.650.000 đồng; Lê Thành T5 (anh C1) 10.650.000 đồng; Nguyễn Thị Ú (anh hai Phận) 31.650.000 đồng; Phạm Thị T4 63.300.000 đồng. Tổng số tiền là 232.200.000 đồng.

4. *Dây hụi thứ tư*: dây hụi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mở hụi ngày 27/05/2021 (nhằm ngày 16/04/2021 âm lịch), thời gian 01 tháng xổ 01 lần tại nhà của Ý. Dây hụi có 25 phần, gồm 20 người tham gia. Trong đó, Ý ghi tên không 02 hụi viên tham gia trong dây hụi có tên là “Chị L2” tham gia 02 phần và “Chị Ú” tham gia 01 phần, Ý tự tham gia 03 phần hụi ghi tên “Như Ý” và Ý đã dùng tên không này để hốt hụi, cụ thể như sau (Bút lục số 74, 78):

Vào lần xổ hụi thứ 01, ngày 27/05/2021 (nhằm ngày 16/04/2021 âm lịch), Ý lấy tên hụi viên không “Chị Ú”, tự bỏ hụi với số tiền là 1.200.000 đồng để được hốt hụi. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 25 phần – 06 phần của Ý tham gia = 19 phần;

+ Hụi chết 0 phần x 3.000.000 đồng = 0 đồng;

+ Hụi sống 19 phần x 3.800.000 đồng/phần phải đóng = 72.200.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 72.200.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 2.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 69.700.000 đồng (Sáu mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vào lần khai hội thứ 08 ngày 19/12/2021 (nhằm ngày 16/11/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Chị L2”, tự bỏ hội với số tiền là 1.950.000 đồng để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 25 phần – 06 phần của Ý tham gia = 19 phần;

+ Hội chết 6 phần (trừ 01 phần hội không đã hốt) x 5.000.000 đồng = 30.000.000 đồng;

+ Hội sống 13 phần x 3.050.000 đồng/phần phải đóng = 39.650.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 69.650.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 2.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 67.150.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền Ý đã nhận khi dùng 02 tên hội viên không để hốt trong đây hội trên là **136.850.000 đồng** (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong đây hội này, còn 06 hội viên chưa hốt hội và Ý có trách nhiệm dân sự phải trả cho Võ Thị Bé T6 (Bé T6) 43.440.000 đồng; Trần Thị H2 (cháu H2) 87.680.000 đồng; Nguyễn Thị B (chế S) 43.440.000 đồng; Trần Thị H3 (chị C) 43.440.000 đồng; Trần Hồng T7 (chị T7) 43.440.000 đồng; Nguyễn Thị Kiều X 240.000.000 đồng; Bùi Văn Vũ Y (anh Vũ N4) 01 43.440.000 đồng. Tổng số tiền là 544.080.000 đồng.

5. *Dây hội thứ năm*: đây hội tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), mở hội ngày 28/11/2021 (nhằm ngày 24/10/2021 âm lịch), thời gian 01 tháng xô 01 lần tại nhà của Ý. Dây hội có 27 phần, gồm 22 người tham gia. Trong đó Ý ghi tên không 03 hội viên tham gia trong đây hội, có tên là “Chị Y1”; “Em H5” và “Em G1” tương ứng với mỗi tên là 01 phần hội (Bút lục số 22, 65). Ý đã dùng tên không này để hốt hội, cụ thể như sau:

Vào lần xô hội thứ 01 ngày 28/11/2021 (nhằm ngày 24/10/2021 âm lịch), Ý lấy tên hội viên không “Em Giàu”, tự bỏ hội với số tiền là 1.000.000 đồng để được hốt hội. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 27 phần – 03 phần của Ý tham gia = 24 phần;

+ Hội chết 0 phần x 3.000.000 đồng = 0 đồng;

+ Hội sống 24 phần x 2.000.000 đồng/phần phải đóng = 48.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 48.000.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Vào lần khai hui thứ 02, ngày 29/11/2021, nhằm ngày 25/10/2021 âm lịch, Ý lấy tên hui viên không “Em H5”, tự bỏ hui với số tiền là 1.350.000 đồng để được hót hui. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 27 phần – 03 phần của Ý tham gia = 24 phần;

+ Hui chết 0 phần (trừ phần hui không của Ý) x 3.000.000 đồng = 0 đồng;

+ Hui sống 24 phần x 1.650.000 đồng /phần phải đóng = 39.600.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 39.600.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 38.100.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Vào lần khai hui thứ 03, ngày 30/11/2021, nhằm ngày 26/10/2021 âm lịch, Ý lấy tên hui viên không “Chị Y1”, tự bỏ hui với số tiền là 1.400.000 đồng để được hót hui. Số tiền mà Ý đã nhận được như sau:

Tổng số 27 phần – 03 phần của Ý tham gia = 24 phần;

+ Hui chết 0 phần (trừ 02 phần hui không đã hót) x 3.000.000 đồng = 0 đồng;

+ Hui sống 24 phần x 1.600.000 đồng/phần phải đóng = 38.400.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 38.400.000 đồng, trừ tiền thảo Ý được nhận là 1.500.000 đồng. Vậy số tiền Ý chiếm đoạt được là 36.900.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền Ý đã nhận khi dùng 03 tên hui viên không để hót trong đây hui trên là **121.500.000 đồng** (Một trăm hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong đây này, còn 06 hui viên chưa hót hui và Ý có trách nhiệm dân sự phải trả cho: Võ Tú N1 (chị út Bàn) 20.050.000 đồng; Nguyễn Thị O 21.100.000 đồng; Lê Thành T5 21.100.000 đồng; Lê Thị X1 (H6) 25.000.000 đồng; Bùi Thanh T2 (sui T2) 21.100.000 đồng; Nguyễn Thị Kiều X 59.850.000 đồng. Tổng số tiền là 168.200.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Như Ý đã chiếm đoạt trong 05 đây hui trên là: **676.750.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày có tham gia chơi hui do Ý là chủ hui. Tính đến thời điểm Ý tuyên bố vỡ hui, Ý còn nợ của 21 bị hại và những người liên quan, gồm:

1. Võ Tú N1 (vợ của Nguyễn Văn B1) 30.330.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

2. Lê Thị T3 45.100.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục

3. Bùi Thanh T2 59.070.000 đồng, đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

4. Nguyễn Thị Thu H1 81.360.000 đồng (đã căn vào một phần hội chết trong dây hội tháng 3.000.000 đồng, còn 9 lần đóng là 27.000.000 đồng, gia đình Ý đã khắc phục 5.000.000 đồng)

5. Lê Thị M 115.280.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục

6. Phan Văn T1 42.780.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

7. Lê Thành T5 82.080.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục

8. Trần Thị H2 115.680.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

9. Quách Thị G 26.650.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

10. Nguyễn Hồng C 26.650.000 đồng, đã trừ 5.000.000đ gia đình Ý khắc phục

11. Nguyễn Thị Ú 24.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

12. Phạm Thị T4 50.300.000 đồng, đã trừ 13.000.000 đồng Ý khắc phục, trả bà T4 trước đó.

13. Võ Thị Bé T6 35.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

14. Nguyễn Thị B 38.440.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục.

15. Trần Thị H3 90.440.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

16. Nguyễn Thị O 16.100.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

17. Lê Thị X1 15.000.000 đồng, đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục

18. Nguyễn Thị Kiều X 365.320.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục.

19. Bùi Văn Vũ Y 61.370.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục.

20. Diệp Thị S 95.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 266).

21. Trần Hồng T7 131.000.000 đồng, trong đó tiền dây hội tháng áp ngày 16/4/2020 (âm lịch) là 46.420.000 đồng; tiền bà T7 nhận sang hội của Ý là 85.100.000 đồng.

Nay, các ông, bà yêu cầu Ý phải trả lại số tiền đã xác định như trên.

- Riêng, Nguyễn Thị N yêu cầu Ý trả cho N 635.000.000 đồng tiền chơi hội ngày. Tại Cơ quan điều tra, Ý khai nhận có mượn tiền góp của N 02 lần, với tổng số tiền là 510.000.000 đồng, số tiền này được tính theo hình thức hội ngày 100.000 đồng, số tiền bỏ hội 15.000 đồng, số tiền đóng hội 85.000 đồng. Hiện nay Ý còn nợ N tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 70/CT-VKSTKG-P2 ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Như Ý** về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo Nguyễn Thị Như Ý khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

- Những người bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả số tiền đã chiếm đoạt.

- *Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Như Ý** về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của các hội viên, bị cáo lấy tên hội viên không có thật, tự ý lấy tên hội viên khác để hốt hội chiếm đoạt của các bị hại số tiền rất lớn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình người bị hại và gây sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với những gì bị cáo đã gây ra.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục được một phần hậu quả cho các bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Thị Như Ý** – **Mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.**

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 BLDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và chồng là ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho các bị hại tổng số tiền là: 1.846.620.000 (Một tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) (Trong đó tiền bị cáo chiếm đoạt của hành vi lừa đảo số tiền 676.000.000 đồng), cụ thể như sau:

1. Võ Tú N1 (vợ của Nguyễn Văn B1) 30.330.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 343).

2. Lê Thị T3 45.100.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 284);

3. Bùi Thanh T2 59.070.000 đồng, đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 271).
4. Nguyễn Thị Thu H1 81.360.000 đồng (đã căn vào một phần hội chết trong đây hội tháng 3.000.000 đồng, còn 9 lần đóng là 27.000.000 đồng, gia đình Ý đã khắc phục 5.000.000 đồng) – Bút lục số 804;
5. Lê Thị M 115.280.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 287);
6. Phan Văn T1 42.780.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 800).
7. Lê Thành T5 82.080.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 327);
8. Trần Thị H2 115.680.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 305);
9. Quách Thị G 26.650.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 258);
10. Nguyễn Hồng C 26.650.000 đồng, đã trừ 5.000.000đ gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 299);
11. Nguyễn Thị Ú 24.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục 297);
12. Phạm Thị T4 50.300.000 đồng, đã trừ 13.000.000 đồng Ý khắc phục, trả bà T4 trước đó (Bút lục số 321);
13. Võ Thị Bé T6 35.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 314);
14. Nguyễn Thị B 38.440.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 308);
15. Trần Thị H3 90.440.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 317);
16. Nguyễn Thị O 16.100.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 303);
17. Lê Thị X1 15.000.000 đồng, đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 348);
18. Nguyễn Thị Kiều X 365.320.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 333, 801).
19. Bùi Văn Vũ Y 61.370.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 353, 354);
20. Diệp Thị S 95.000.000 đồng, đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục (Bút lục số 266).

21. Trần Hồng T7 131.000.000 đồng, trong đó tiền dây hui tháng áp ngày 16/4/2020 (âm lịch) là 46.420.000 đồng; tiền bà T7 nhận sang hui của Ý là 85.100.000 đồng.

*** Luật sư Đường Minh Minh Q bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:**
Luật sư thống nhất tội danh và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát, bởi: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã có tác động gia đình khắc phục một phần bồi thường cho phía bị hại, mặc dù không nhiều nhưng bị cáo cũng đã có thiện chí và tại phiên tòa chồng bị cáo (ông T) cũng đồng ý liên đới với bị cáo bồi thường khắc phục cho các bị hại; Ngay từ ban đầu bị cáo không có ý chiếm đoạt tiền của hui viên, hiện bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự... Từ những căn cứ trên mong HĐXX cân nhắc xem xét chiều cõ cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin lỗi các bị hại và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để sớm được trở về làm ăn trả nợ cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Từ ngày 11/05/2020 đến ngày 16/10/2022, Nguyễn Thị Như Ý tổ chức chơi hui tại xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang), Ý đã 05 lần đưa tên 13 hui viên không có thật (tên không) vào 05 dây hui tháng để Ý hốt hui, chiếm đoạt của 21 bị hại (hui viên) với tổng số tiền là 676.750.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do đó, hành vi của **Nguyễn Thị Như Ý** đủ yếu tố cấu thành tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được rằng, tài sản hợp pháp của bị hại là bất khả xâm phạm, mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và thực hiện trong suốt một thời gian dài. Bằng nhiều thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của các hội viên, bị cáo đã lập tên hội viên không, lấy tên hội viên khác để bỏ thăm hốt hội và tự ý mua bán hội không có thật, sau đó tuyên bố bề hội nhằm chiếm đoạt số tiền của các hội viên. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý bức xúc cho những người bị hại mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra rất lớn, đã gây thiệt hại lớn về mặt kinh tế, đồng thời đã làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của gia đình những người bị hại, gây nên sự căm phẫn bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân... Vì vậy, đứng trước phiên tòa hôm nay bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm những gì đã gây ra, HĐXX nghĩ cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, mới tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi mà bị cáo đã gây nên, đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục lại bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội cũng như răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, đối với nhiều người và nhiều lần nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự làm tình tiết tăng nặng cho bị cáo là thỏa đáng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tự thú tra những lần phạm tội trước đó, bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã chủ động cân trừ nợ hội với hội viên, tích cực tác động gia đình nộp khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại... Vì vậy, cần áp dụng quy định tại điểm r và s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX thống nhất áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ thêm cho bị cáo và xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát:

Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, đánh giá hành vi, tính chất phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo và mức án đề nghị xử phạt bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về quan điểm của Luật sư Q: Luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ tại điểm r và s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị

mức án xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát (từ 07 -08 năm tù) là chưa tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích trên, nên HĐXX không chấp nhận đề nghị này của Luật sư.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại. HĐXX nhận thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo và chồng bị cáo là ông Nguyễn Văn T thống nhất cùng liên đới bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Do vậy, bị cáo và ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường lại cho các bị hại tổng số tiền **1.846.620.000đ** (Một tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) (Trong đó tiền bị cáo chiếm đoạt của hành vi lừa đảo số tiền 676.000.000 đồng), cụ thể như sau:

cụ thể như sau:

1. Võ Tú N1 (vợ của Nguyễn Văn B1) 30.330.000 đồng (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục).
2. Lê Thị T3 45.100.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục).
3. Bùi Thanh T2 59.070.000 đồng, (đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục).
4. Nguyễn Thị Thu H1 81.360.000 đồng (đã cần vào một phần hụi chết trong dây hụi tháng 3.000.000 đồng, còn 9 lần đóng là 27.000.000 đồng, gia đình Ý đã khắc phục 5.000.000 đồng)
5. Lê Thị M 115.280.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
6. Phan Văn T1 42.780.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục).
7. Lê Thành T5 82.080.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
8. Trần Thị H2 115.680.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
9. Quách Thị G 26.650.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
10. Nguyễn Hồng C 26.650.000 đồng, (đã trừ 5.000.000đ gia đình Ý khắc phục)
11. Nguyễn Thị Ú 24.000.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
12. Phạm Thị T4 50.300.000 đồng, (đã trừ 13.000.000 đồng Ý khắc phục, trả bà T4 trước đó)
13. Võ Thị Bé T6 35.000.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)

14. Nguyễn Thị B 38.440.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục)
15. Trần Thị H3 90.440.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
16. Nguyễn Thị O 16.100.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
17. Lê Thị X1 15.000.000 đồng, (đã trừ 10.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
18. Nguyễn Thị Kiều X 365.320.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục).
19. Bùi Văn Vũ Y 61.370.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng, gia đình Ý khắc phục)
20. Diệp Thị S 95.000.000 đồng, (đã trừ 5.000.000 đồng gia đình Ý khắc phục)
21. Trần Hồng T7 131.000.000 đồng, (trong đó tiền dây hui tháng áp ngày 16/4/2020 (âm lịch) là 46.420.000 đồng; tiền bà T7 nhận sang hui của Ý là 85.100.000 đồng)

[8] *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền chưa bồi thường 676.000.000 đồng là: $(676.000.000đ \times 5\%) = 33.800.000đ$ (Ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố**: Bị cáo **Nguyễn Thị Như Ý** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

* **Áp dụng**: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm r và s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

* **Xử phạt**: Bị cáo **Nguyễn Thị Như Ý – 08 (T11) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 01/12/2024.

* **Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Như Ý phải có trách nhiệm thường lại cho các bị hại số tiền tổng cộng **1.846.620.000đ** (Một tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) (Trong đó tiền bị cáo chiếm đoạt của hành vi lừa đảo số tiền 676.000.000 đồng và tiền nợ hui của các hui viên chưa thanh toán), cụ thể như sau:
đồng, cụ thể như sau:

1. Võ Tú N1 (vợ của Nguyễn Văn B1) 30.330.000 đồng (ba mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)
2. Lê Thị T3 45.100.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng)
3. Bùi Thanh T2 59.070.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy mươi nghìn đồng)
4. Nguyễn Thị Thu H1 81.360.000 đồng (tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)
5. Lê Thị M 115.280.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)
6. Phan Văn T1 42.780.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
7. Lê Thành T5 82.080.000 đồng (T11 mười hai triệu tám mươi nghìn đồng).
8. Trần Thị H2 115.680.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)
9. Quách Thị G 26.650.000 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
10. Nguyễn Hồng C 26.650.000 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
11. Nguyễn Thị Ú 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).
12. Phạm Thị T4 50.300.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm nghìn đồng).
13. Võ Thị Bé T6 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).
14. Nguyễn Thị B 38.440.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).
15. Trần Thị H3 90.440.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).
16. Nguyễn Thị O 16.100.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).
17. Lê Thị X1 15.000.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).
18. Nguyễn Thị Kiều X 365.320.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).
19. Bùi Văn Vũ Y 61.370.000 đồng (Sáu mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)
20. Diệp Thị S 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng)
21. Trần Hồng T7 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và dân sự giá ngạch 5% là $(1.846.620.000đ \times 5\%) = 92.331.000đ$ (Chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Phúc thẩm Tối cao tại Tp. HCM (1);
- Toà phúc thẩm TAND tối cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- THA tỉnh AG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);
- Trại tạm giam số 2 - CA tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Đường sự (30);
- Luật sư (4);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang